

Bản án số 493/2022/HCPT

Ngày 12-7-2022

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Huệ M, sinh năm 1972; (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 73, V, khóm 2, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Lê Minh C của Văn phòng Luật sư Lê Minh C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (*có mặt*)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ: Ấp C1, xã K, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Võ Trường G – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau. (*xin xét xử vắng mặt*)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P: Ông

Nguyễn Văn Ch, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, tỉnh Cà Mau. *(có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau; *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp C1, xã K, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau; *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện P, tỉnh Cà Mau; *(xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp V1, thị trấn V2, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Trần Phát T, sinh năm 1949; *(vắng mặt)*

5. Ông Trần Thiện L, sinh năm 1974; *(có mặt)*

6. Ông Huỳnh An Kh, sinh năm 1982; *(vắng mặt)*

7. Bà Nguyễn Thị X (vợ ông Kh); *(vắng mặt)*

8. Bà Ông Thị Diễm T2 (vợ ông L); *(có mặt)*

9. Bà Trần Thu R, sinh năm 1964; *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau.

10. Ông Trần Văn Y, sinh năm 1969; *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 73, V, khóm 2, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Cà Mau.

11. Bà Trần Hoàng D, sinh năm 1979; *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 314 đường XY, khóm 8, phường 3, thành phố I, tỉnh I1.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Huệ M.

NHẬN THẤY:

****Theo Đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là bà Trần Huệ M trình bày:***

Mẹ bà M là bà Nguyễn Thị Huệ E chết vào ngày 04/6/2010 (nhằm ngày 14/4/2010 âm lịch). Trước khi chết, bà E có để lại di sản là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng đất tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau. Quyền sử dụng đất có 02 thửa gồm thửa 376, tờ bản đồ số 8B, diện tích 32.450m² (cấp quyền sử dụng đất ngày 24/3/2006) và thửa số 401, tờ bản đồ số 8B, diện tích 30.550m² (cấp quyền sử dụng đất ngày 24/3/2006).

Hai phần đất nói trên là của ông bà ngoại bà M tên Nguyễn An L1 và Nguyễn Thị T1 cho riêng bà E và bà E đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) là tài sản riêng của bà E vào ngày 24/3/2006.

Trước khi chết, bà E có lập di chúc vào ngày 01/11/2008, có nội dung sau:

“Tôi tên Nguyễn Thị Huê E 74 tuổi, chồng tôi ông Trần Văn U 78 tuổi, ngụ ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau. Nay vợ chồng tôi làm di chúc này để lại các con cháu ngoại tổ một mảnh đất. Kỷ vật lưu niệm vô giá này tôi gởi lại con cháu gìn giữ không được bán, cầm, cố. Nếu ai làm không đúng theo di chúc của tôi thì thân tộc anh, em, con cháu nội ngoại ai cũng có quyền ngăn cản thấy không nghe theo lời di chúc của tôi.

...Sau khi tôi qua đời bằng khoán không thay đổi, nhà ở kinh mới, đồ đạc trong nhà cho T, nhà thờ phượng ông bà.

...Bản đồ bốn khu đất tôi đã vẽ đính kèm theo di chúc này.

Đính kèm theo tờ di chúc là sơ đồ 02 thửa đất gồm 04 khu đất, ghi nội dung sau:

“Khu số 1- Trần Thiện L; Khu số 2- Khu mộ- phần đất phụ âm của mẹ. Sau khi mẹ qua đời để lại kinh phí cúng ông, bà, tu sửa mồ mả; Khu số 3-Trần Phát T; Khu số 4-Huỳnh An Kh cháu ngoại”.

Tại thời điểm lập di chúc, bà E và ông U không yêu cầu UBND xã H hoặc Văn phòng công chứng chứng thực. Ngay sau khi bà E chết, ông U cùng các con gồm có ông T, ông N, bà R, bà M, ông L đến trụ sở UBND xã H nhờ chứng thực. Ông Trần Văn G1 - Phó Chủ tịch UBND xã H là người chứng thực di chúc, có ông Lê Ngọc L2-Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã H và ông Trịnh Quốc T3 - Cán bộ tư pháp xã H ký vào tờ di chúc là người chứng kiến.

Ngày 18/6/2013, ông U cùng các con, cháu là ông T, ông L và ông Kh tổ chức họp có sự chứng kiến của ông Huỳnh Thanh T4-Trưởng ấp S để phân chia khu đất nhà mồ cho ông L quản lý sử dụng. Việc này bà M không biết.

Ngày 28/6/2013, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P phối hợp cùng UBND xã H và Ban nhân dân ấp S đo đạc, xác minh thực địa thửa đất số 376, 401, tờ bản đồ số 08B (thửa số 144, 466, 467, tờ bản đồ số 07). Kết quả đo đạc khu đất có tổng diện tích là 75.425,2m² (dư 12.425,2m² so với diện tích bà E được cấp GCNQSD đất). Việc này bà M không biết.

Ngày 03/8/2013, ông U cùng với ông T, ông L, ông Kh lập văn bản phân chia di sản thừa kế phần đất dư so với diện tích được cấp GCNQSD đất cho bà E. Ông T, ông L và ông Kh ký văn bản nhận thừa kế, riêng ông U có văn bản từ chối

tài sản thừa kế. Các văn bản này được Chủ tịch UBND xã H chứng thực. Việc này bà M không biết.

Ngày 30/8/2013, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P tiếp nhận và thẩm định hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của ông T, ông L và ông Kh. Ngày 12/9/2013, UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho những người này. Việc này bà M không biết.

Ông U chết ngày 18/4/2015.

Sau khi được cấp GCNQSD đất, các ông T, ông L, ông Kh đã đem GCNQSD đất thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện P (Agribank chi nhánh huyện P) để vay tiền. Riêng ông L đã làm thủ tục chuyển nhượng phần đất nói trên cho bà Phạm Thị M1. Bà Phạm Thị M1 đã giao tiền đặt cọc cho ông L. Phía bà Huệ M phát hiện được nên đã ngăn cản không cho ông L chuyển nhượng. Do bị ngăn cản, nên bà Phạm Thị M1 đã khởi kiện ông L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ra Quyết định số 16/QĐ-CCTHADS ngày 20/3/2019 để cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác của ông L và bà T2, trong đó bao gồm cả khu đất mồ mà ông bà.

Tất cả trình tự, thủ tục do UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L, ông Kh. Phía bà M không biết và cũng không được mời giải quyết.

Xét thấy việc UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh không đúng pháp luật, trái với ý chí và nguyện vọng của người lập di chúc và xâm phạm quyền lợi của tất cả những người thừa kế của bà E, đồng thời ông T, ông L và ông Kh đã đem GCNQSD đất thế chấp cho Agribank - Chi nhánh huyện P để vay tiền và chuyển nhượng phần đất cho người khác là trái với ý chí và nguyện vọng của người lập di chúc, dẫn đến việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CCTHADS ngày 20/3/2019 để cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác của ông L và bà T2, trong đó bao gồm cả khu đất mồ mà ông bà nên phía bà M đã làm đơn yêu cầu Chủ tịch UBND huyện P giải quyết, thu hồi hoặc hủy bỏ GCNQSD đất do UBND huyện P đã cấp cho ông T, ông L và ông Kh.

Tại văn bản số 1719/UBND ngày 18/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện P đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu của phía bà M.

Nay bà M yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hủy bỏ 03 GCNQSD đất, gồm:

- GCNQSD đất số BO 716562 (vào sổ cấp GCN: CH04635) cấp cho ông Trần Phát T ngày 12/9/2013;

- GCNQSD đất số BO 716550 (vào sổ cấp GCN: CH04636) cấp cho ông Trần Thiện L ngày 12/9/2013;

- GCNQSD đất số BO 716551 (vào sổ cấp GCN: CH04637) cấp cho ông Huỳnh An Kh ngày 12/9/2013.

Đối với phần diện tích 12.425,2m² đất dư so với diện tích bà E được cấp sổ chủ quyền. Bà M cho rằng phần diện tích này nằm trong khuôn viên của thửa 401, 376 của bà E. Phần diện tích đất dư này chưa được cấp giấy chủ quyền, nhưng UBND huyện P tự ý chia cấp giấy cho các ông T, L, Kh. Theo bà M, bà yêu cầu hợp tất cả những người thừa kế của bà E lại để quyết định. Bà M không yêu cầu chia phần đất này mà yêu cầu được nhập vào phần diện tích đất hương hỏa.

****Tại Công văn số 982/UBND ngày 10/6/2020, người bị kiện là UBND huyện P trình bày:***

- Cơ sở để UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông L, ông T và ông Kh:

+ Bà Nguyễn Thị Huê E khi còn sống lập di chúc đối với di sản là quyền sử dụng đất có tổng diện tích 63.000m² thuộc thửa 376, 401, tờ bản đồ số 08B tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau, được UBND huyện P cấp GCNQSD đất ngày 24/3/2006.

Kèm theo di chúc của bà E là sơ đồ 02 thửa đất gồm 04 khu đất, sơ đồ ghi cụ thể người được thừa kế nhưng không ghi kích thước và diện tích từng khu đất.

Bà E chết vào ngày 14/4/2010, đến ngày 04/6/2010, ông U chồng bà E cùng các con ruột là Trần Văn T, Trần Văn N, Trần Thu R, Trần Huệ M và Trần Thiện L đến trụ sở UBND xã H để mở thừa kế, công bố nội dung di chúc, có sự chứng kiến của ông Lê Ngọc L2 - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và ông Trịnh Quốc T3 - Cán bộ Tư pháp xã H, ông Trần Văn G1-Phó Chủ tịch UBND xã là người ký xác nhận.

+ Ngày 18/6/2013, ông U cùng các con, cháu là ông T, ông L và ông Kh họp để phân chia phần đất khu vực nhà mồ cho ông L quản lý và sử dụng, cuộc họp có sự chứng kiến của ông Huỳnh Thanh T4 - Trưởng ấp S, xã H.

+ Ngày 28/6/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P) phối hợp cùng UBND xã H và Ban nhân dân ấp S đo đạc, xác minh thực địa thửa đất số 376, 401, tờ bản đồ số 08B (thửa đất số 144, 466 và 467, tờ bản đồ số 07). Kết quả đo đạc khu đất có tổng diện tích 75.425,2m² (tăng 12.425,2m² so với diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất cho bà E).

+ Ngày 03/8/2013, ông U cùng ông T, ông L và ông Kh lập văn bản phân chia tài sản thừa kế (chia phần đất tăng thêm so với diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất cho bà E). Ông U có văn bản từ chối tài sản thừa kế. Các văn bản này được Chủ tịch UBND xã H chứng thực.

+ Ngày 30/8/2013, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp nhận và thẩm định hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của ông T, ông L và ông Kh.

+ Ngày 12/9/2013, UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh.

- Quan điểm của UBND huyện P về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh:

+ Về di chúc: Bà E được UBND huyện P cấp GCNQSD đất số AD 524346, AD 524347 ngày 24/3/2006 với tổng diện tích 63.000m² thuộc thửa đất số 376, 401, tờ bản đồ số 08B, phần đất tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau, với hình thức sử dụng riêng. Theo quy định, đây là tài sản riêng của bà E. Theo di chúc ngày 01/11/2008, bà E để lại phần đất cho những người thừa kế (ông T, ông L và ông Kh). Các người con còn lại không được hưởng phần đất để lại. Vị trí: Khu số 1 - Trần Thiện L; khu số 2 - khu mộ; khu số 3 - Trần Phát T; khu số 4 - Huỳnh An Kh cháu ngoại.

+ Việc đăng ký cấp GCNQSD đất:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Luật Đất đai năm 2003, thì ông T, ông L và ông Kh có nghĩa vụ đăng ký và thực hiện đầy đủ thủ tục khi thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ngày 18/6/2013, ông U cùng các ông T, ông L và ông Kh họp để phân chia phần đất khu nhà mồ (khu mộ), thống nhất giao cho ông L quản lý và sử dụng (vì ông L là người trực tiếp quản lý mồ mả và thờ cúng). Ngày 03/8/2013, ông U cùng những người này lập văn bản phân chia di sản thừa kế (chia phần đất tăng thêm so với diện tích đã được cấp GCNQSD đất cho bà E), có văn bản nhận tài sản thừa kế, đồng thời ông U có văn bản từ chối tài sản thừa kế. Các văn bản này được Chủ tịch UBND xã H chứng thực theo quy định. Như vậy, ông T, ông L và ông Kh đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Việc cấp GCNQSD đất: Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 của Luật Đất đai năm 2003 thì Nhà nước cấp GCNQSD đất cho người được thừa kế. Như vậy, việc UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Quan điểm của UBND huyện P đối với yêu cầu của người khởi kiện: UBND huyện P không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

****Tại Công văn số 1679/UBND ngày 16/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện P trình bày:***

UBND huyện P nhận được Thông báo số 17A/2021/TLST-HC ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thụ lý vụ án bổ sung vụ án

giữa người khởi kiện là bà Trần Huệ M với người bị kiện là UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P.

Qua rà soát vụ việc, Chủ tịch UBND huyện P có quan điểm đối với Công văn số 1719/UBND ngày 18/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc trả lời kiến nghị của bà Trần Thu R, ông Trần Văn Y, bà Trần Huệ M như sau:

Theo đơn kiến nghị (đơn yêu cầu) của bà R, ông Y và bà Huệ M với nội dung:

“1. Yêu cầu UBND huyện P giải quyết những người chứng thực và cấp GCNQSD đất sai, không thực hiện di chúc đúng theo quy định của pháp luật; 2. Phải thực hiện theo di chúc mà bà Nguyễn Thị Huệ E để lại, bằng khoán giữ nguyên không thay đổi, không được cầm cố, sang bán”

Bản di chúc có phần không hợp pháp: “Sau khi tôi qua đời, bằng khoán không thay đổi” (không phù hợp với quy định tại Điều 107 Luật Đất đai năm 2003), theo quy định tại khoản 4 Điều 667 của Bộ luật dân sự năm 2005 “Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật”.

Ông T, ông L và ông Kh đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhận thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 của Luật Đất đai năm 2003, thì việc UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh là phù hợp với trình tự, quy định pháp luật”.

Trình tự, thủ tục UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho ông T, ông L và ông Kh thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (tại thời điểm thực hiện hồ sơ cấp GCNQSD đất”.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện P, Cà Mau trình bày:***

Ông Trần Thiện L còn nợ tổng số tiền 1.258.241.425 đồng, trong đó, dư nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, dư nợ lãi 178.241.425 đồng (tiền lãi tính đến hết ngày 09/8/2021 và còn tiếp tục phát sinh cho đến ngày tắt toán nợ vay). Khoản vay được thế chấp bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.17.TH.003/HĐTC ngày 24/01/2017 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.17.TH.003/PLHĐTC ký ngày 10/12/2019 (GCN dùng để thế chấp BO716550 do UBND huyện P cấp ngày 12/09/2013).

Ông Trần Phát T còn nợ số tiền 387.454.066 đồng, trong đó, dư nợ gốc 265.000.000 đồng, dư nợ lãi 122.454.066 đồng (tiền lãi tính đến hết ngày 09/8/2021 và còn tiếp tục phát sinh cho đến ngày tắt toán nợ vay). Khoản vay

được thế chấp bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.13.TH.0096/HĐTC ngày 19/09/2013 (GCN dùng để thế chấp BO716562 do UBND huyện P cấp ngày 12/9/2013).

Ông Huỳnh An Kh còn nợ số tiền 253.246.576 đồng, trong đó, dư nợ gốc: 250.000.000 đồng, dư nợ lãi 3.246.276 đồng (tiền lãi tính đến hết ngày 09/8/2021 và còn tiếp tục phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay). Khoản vay được thế chấp bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.18.TH.0203/HĐTC ngày 12/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03.18.TH.0203/PLHĐTC ký ngày 25/12/2019 (GCN dùng để thế chấp BO716551 do UBND huyện P cấp ngày 12/9/2013).

Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và tổ chức đối thoại giữa các bên nhưng không giải quyết được nên tiến hành xét xử.

****Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã tuyên xử:***

Căn cứ Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; Điểm a khoản 2 Điều 116; Điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điểm a khoản 2 Điều 49, 107, 129 của Luật Đất đai năm 2003; Các điều 31, 38, 39, 117, 151 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013; Các điều 7, 9, 18, 33 của Luật Khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Huệ M về việc yêu cầu hủy bỏ 03 (ba) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cùng ngày 12/9/2013, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716562 (vào sổ cấp GCN: CH04635) cấp cho ông Trần Phát T tại thửa đất số 466, tờ bản đồ số 7, diện tích 17.690,7m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716550 (vào sổ cấp GCN: CH04636) cấp cho ông Trần Thiện L tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 7, diện tích 38.305,9m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716551 (vào sổ cấp GCN: CH04637) cấp cho ông Huỳnh An Kh tại thửa 467, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.428,6m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/01/2022 người khởi kiện Trần Huệ M kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 24/01/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Y, bà Trần Hoàng D kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Huệ M.

Tại phiên tòa, bà Trần Huệ M và bà Trần Hoàng D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà M xuất trình bản gốc tờ di chúc và trình bày tài liệu này do ông Trần Văn N, anh ruột của bà – đang định cư ở Úc cất giữ sau khi bà E mất. Do đó trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất chỉ có bản photo tờ di chúc. Việc Ủy ban nhân dân huyện vẫn chấp nhận dùng bản photo này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định.

Ngoài ra, bà M cho rằng hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông T, ông L và ông Kh có sự giả mạo chữ ký của ông U. Ở giai đoạn sơ thẩm, bà có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký nhưng không được chấp nhận. Các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông T, ông L, ông Kh không hợp pháp nhưng vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái pháp luật. Bà yêu cầu hủy các quyết định nêu trên.

Ông L, bà T2 xác định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo nội dung di chúc, hiện tại ông bà đang thế chấp quyền sử dụng đất đã được cấp để vay nợ Ngân hàng Agribank và vẫn còn dư nợ tại ngân hàng này. Ông L, bà T2 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M đề nghị chấp nhận kháng cáo, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, ông L và ông Kh do có dấu hiệu làm giả hồ sơ đăng ký – đặc biệt là tại các văn bản từ chối di sản, Biên bản phân chia di sản và Tờ di chúc thì phần chữ ký của ông U không giống nhau chứng tỏ ông U đã bị giả mạo chữ ký. Năm 2013 các ông T, L và Kh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc trong khi ông U vẫn còn sống đến năm 2015 mới mất nên việc chia đất cho 03 ông này đứng tên là trái pháp luật về thừa kế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tính có căn cứ và đúng pháp luật của văn bản hành chính bị khởi kiện của UBND huyện P, xác định UBND huyện P ban hành văn bản là hợp pháp và có căn cứ, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm do đã giải quyết đúng quy định. Đồng thời, phía UBND huyện P cũng xác định trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông T, ông L và ông Kh không có bản chính tờ di chúc mà chỉ có bản photo không được công chứng, chứng thực, quá trình công nhận phần diện tích đất thực tế dư so với giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất do bà E đứng tên không thông qua những người thuộc diện thừa kế của bà E.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên phân tích yêu cầu khởi kiện và nhận định về các tài liệu, chứng cứ đã thu thập cùng trình bày của các bên và khẳng định án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng các tài liệu chứng cứ trong vụ án, việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2020 (BL 27), bà Trần Huệ M xác định bà khởi kiện hành chính nhưng về nội dung có đề cập đến di chúc của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Huệ E, trong đó có liên quan đến diện tích 12.425,2m² đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà E được cấp tại thời điểm bà lập di chúc, và việc các ông Trần Phát T, Huỳnh An Kh, Trần Thiện L tự kê khai đăng ký biến động và được cấp quyền sử dụng là trái quy định pháp luật.

Tại Phần 2 của Đơn khởi kiện ghi: *“Tôi yêu cầu quý tòa giải quyết phần diện tích đất dư (12.425,2m²) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho bà Nguyễn Thị Huệ E, cụ thể là phần đất dư 12,425,2m², Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho các ông Trần Phát T, Huỳnh An Kh, Trần Thiện L”*. Đồng thời, theo nội dung di chúc bà E chỉ phân chia quyền sử dụng và không thay đổi, sang bán và có nêu về phần đất phụ âm, mồ mả... Như vậy, đây là việc kiện tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự - liên quan đến việc thực hiện di chúc của những người trong diện thừa kế của bà E, trong đó có bao gồm cả khiếu kiện về hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thụ lý vụ án hành chính mà không xem xét đến các mối quan hệ chính yếu trong nội dung khởi kiện của đương sự yêu cầu là chưa phù hợp.

Tại khoản 1 Điều 34 Luật Tố tụng Hành chính quy định: *“Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án xác định vụ án đó không phải là vụ án hành chính mà là vụ án dân sự và việc giải quyết vụ án này thuộc*

thẩm quyền của mình thì Tòa án giải quyết vụ án đó theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định...”

Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần hướng dẫn đương sự khởi kiện thành vụ án dân sự để xác định cho đúng quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án; việc xem xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính cá biệt trong cùng vụ án theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì mới đảm bảo giải quyết triệt để và toàn diện các vấn đề của vụ án.

Tuy nhiên, do đương sự xác định chỉ khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt nên chỉ xem xét đến tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định bị khởi kiện. Còn vụ việc có liên quan đến phần đất dư nêu trên có thể được giải quyết tiếp thành vụ kiện dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự là người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Việc ông Trần Văn Y vắng mặt lần thứ hai được xem như từ bỏ kháng cáo.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau hủy bỏ 03 GCN QSD Đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cùng ngày 12/9/2013 gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716562 (vào sổ cấp GCN: CH04635) cấp cho ông Trần Phát T tại thửa đất số 466, tờ bản đồ số 7, diện tích 17.690,7m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716550 (vào sổ cấp GCN: CH04636) cấp cho ông Trần Thiện L tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 7, diện tích 38.305,9m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 716551 (vào sổ cấp GCN: CH04637) cấp cho ông Huỳnh An Kh tại thửa 467, tờ bản đồ số 7, diện tích 19.428,6m², tọa lạc tại ấp S, xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Lý do khởi kiện liên quan đến việc thực hiện di chúc của bà E, cụ thể là không cho phép thay đổi bằng khoán của bà và không cho phép sang nhượng, dịch chuyển đất đai có mồ mả và phần phụ âm, ngoài ra việc khởi kiện còn liên quan đến phần đất dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện trên GCNQSD đất do bà E đứng tên nhưng các ông L, Kh và T đã tự ý kê khai đăng ký để được chứng nhận quyền sử dụng.

Xét các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Bản di chúc được các bên thừa nhận là ý chí của bà E. Diện tích đất bà E được cấp khi lập di chúc thể hiện tại GCNQSD đất số AD 524347 do UBND huyện P cấp ngày 24/3/2006 với diện tích 32.450m² thuộc thửa 376, tờ bản đồ số 8B tọa lạc tại xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau và tại GCNQSD đất số AD 524347 do UBND huyện P cấp ngày 24/3/2006 với diện tích 30.550m² thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 8B tọa lạc tại xã H, huyện P, tỉnh Cà Mau; tổng diện tích là 63.000m².

Tại Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất và tờ phân chia di sản thừa kế đều thể hiện nội dung diện tích đất thực tế có dư so với giấy chứng nhận QSDĐ do bà E đứng tên là 12.425,2m². Các ông Trần Phát T, Huỳnh An Kh, Trần Thiện L tự đăng ký kê khai thêm phần này và được cấp GCNQSD đất.

Theo người khởi kiện thì việc chia phần đất dư này và người bị kiện chấp nhận là trái quy định pháp luật vì không đúng diện tích đất bà E được công nhận, việc cấp GCNQSD đất để các ông nói trên thế chấp ngân hàng và bị phát mãi là không đúng ý chí của người để lại di chúc nên cần hủy các GCNQSD đất đã cấp.

Người bị kiện khẳng định thủ tục cấp GCNQSD đất cho 03 cá nhân trên là đúng do phần đất dư là lỗi của cán bộ đo đạc thời điểm cấp GCNQSD đất cho bà E đo sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều thừa nhận rằng thời điểm lập hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất chỉ có bản photo tờ di chúc chưa được công chứng chứng thực; phần đất dư so với các GCNQSD đất của bà E cũng không được đề cập trong văn bản phân chia di sản thừa kế cũng như tờ từ chối nhận di sản của ông U được nộp kèm hồ sơ này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình xem xét, thẩm định hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất để cấp cho 03 cá nhân trong vụ án này còn nhiều vấn đề cần làm rõ, điển hình như về tính pháp lý của các văn bản trong hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất; hay đối với phần diện tích đất dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - để cập nhật phần này UBND huyện P cần lấy ý kiến của những người thuộc diện và hàng thừa kế của bà E, nếu họ thống nhất không tranh chấp mới được điều chỉnh cho các ông L, T và Kh. Việc UBND huyện P không thực hiện thủ tục này là thiếu sót.

Việc giám định chữ ký của ông U và xem xét các nội dung của tờ di chúc so với nội dung kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của 03 cá nhân trên cần được thực hiện để làm rõ nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành thủ tục này để xem xét tính hợp pháp của việc cấp GCNQSD đất mà đã phán quyết là chưa đủ cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bà Trần Huệ M, ông Trần Văn Y và Trần Hoàng D được làm trong thời hạn luật định nên là đơn hợp lệ. Tuy nhiên như đã phân tích

ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết vụ án và tuyên án khi chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ cần thiết nên quyết định chưa đúng với bản chất vụ án. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bà M và bà D, nhưng do chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên vẫn chưa xem xét đến nội dung kháng cáo đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xét thấy các sai sót đã nêu cấp phúc thẩm không khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm để thu thập, xác minh chứng cứ mới đủ cơ sở xét xử vụ án.

Đối với ông Trần Văn Y: do ông Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên có căn cứ để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Y.

Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm chưa ai phải chịu. Các chi phí tố tụng nếu có sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Y.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Huệ M và bà Trần Hoàng D, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2202/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm chưa ai phải chịu. Các chi phí tố tụng nếu có sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- ĐS (15);
- Lưu VP(3), HS(2).25b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ